

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Tên dự án: Nâng cấp mặt đường, lề đường và xây dựng hệ thống thoát nước thôn Tân Long, từ ĐT.741 (cổng chào thôn) đến cuối tuyến.

- Tên gói thầu: Nâng cấp mặt đường, lề đường và xây dựng hệ thống thoát nước thôn Tân Long, từ ĐT.741 (cổng chào thôn) đến cuối tuyến.

- Địa điểm xây dựng: Thôn Tân Long, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai.

- Chủ đầu tư: Văn phòng HDND và UBND xã Phú Riềng.

- Địa chỉ Chủ đầu tư: Thôn Tân Bình, xã Phú Riềng, tỉnh Đồng Nai.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV.

- Nguồn vốn: Vốn đầu tư công ngân sách xã năm 2026.

- Nội dung các hạng mục công việc chủ yếu: Tổng chiều dài tuyến đường là 1.320 mét.

*** Trắc ngang:**

- | | |
|---------------------------------------|------------------|
| - Chiều rộng mặt đường: | 6,0 mét. |
| - Chiều rộng lề đường: | 2x1,0 = 2,0 mét. |
| - Độ dốc ngang mặt đường: | 2%. |
| - Độ dốc ngang lề đường: | 4%. |
| - Độ dốc ngang lề đường gia cố: | 2%. |
| - Chiều rộng tối thiểu của nền đường: | 8,0 mét. |

*** Nền, mặt đường, lề đường:**

1. Phần mặt đường hiện hữu:

- Đoạn từ Km0+00 đến Km0+500 (kết cấu nền, mặt đường tính từ trên xuống):
 - + Lớp bê tông nhựa nóng hạt trung (BTN C12.5) dày 6cm, $K \geq 0,98$, $E \geq 145\text{Mpa}$.
 - + Bù vênh mặt đường bằng BTN đảm bảo độ dốc ngang.
 - + Tưới lớp dính bám bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 0,5kg/m².
- Đoạn từ Km0+500 đến Km1+320 (kết cấu nền, mặt đường tính từ trên xuống):
 - + Lớp bê tông nhựa nóng hạt trung (BTN C12.5) dày 6cm, $K \geq 0,98$, $E \geq 145\text{Mpa}$.
 - + Tưới lớp dính bám bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0Kg/m².
 - + Bù phụ lớp đá 0x4 (Dmax 25) đảm bảo độ dốc dọc, dốc ngang; $K^3 \geq 0,98$; $E \geq 135\text{Mpa}$.

2. Phần mặt đường mở rộng:

- Mở rộng mặt đường để đạt chiều rộng mặt đường 6,0m.

- Kết cấu nền, mặt đường tính từ trên xuống:
- + Lớp bê tông nhựa nóng hạt trung (BTN C12.5) dày 6cm, $K \geq 0,98$, $E \geq 145\text{Mpa}$.
- + Tưới lớp dính bám bằng nhựa pha dầu, lượng nhựa 1,0Kg/m².
- + Lớp đá 0x4 (Dmax 25), chiều dày đã lèn ép 25cm; $K^3 \geq 0,98$; $E \geq 135\text{Mpa}$.
- + Nền đường đào, đắp đất cấp 2 lu lèn độ chặt $K^3 \geq 0,95$.

3. Lề đường:

- Đào, đắp bằng đất cấp 2 chọn lọc và đất cấp 3, lu lèn đạt $K^3 \geq 0,95$.
- Đổ bê tông đá 1x2 M250 đoạn từ Km0+118 đến Km0+543. Dài 425m (bên trái tuyến).
- Đổ bê tông đá 1x2 M250 đoạn từ Km0+431 đến Km0+543. Dài 112m (bên phải tuyến).

4. Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước ngang:
 - + Tận dụng cống đã có sẵn trên tuyến.
 - + Tháo dỡ 1 cống tròn HH D100 + 1 cống hộp HH 80x80, L=4m. Làm mới cống bản (1,6x1,6)m, L=9,6m tại Km0+542.
 - + Tháo dỡ cống tròn HH D50, L=4,5m. Làm mới cống hộp 100x100, L=9m tại Km0+816.
 - + Tháo dỡ cống xây HH 100x100, L=5m. Làm mới cống hộp 100x100, L=9m tại Km0+878.
 - + Nối cống hộp HH 80x80, L=5m thành L=9m tại Km0+961,5.
 - + Nối cống hộp HH 80x80, L=5m thành L=9m tại Km1+014,5.
 - + Tháo dỡ cống hộp HH 60x60, L=4,5m. Làm mới cống hộp 80x80, L=9m tại Km1+069.
 - + Tháo dỡ cống xây HH 100x100, L=5m. Làm mới cống hộp 100x100, L=9m tại Km1+118,5.
 - + Nối cống hộp HH 80x80, L=5m thành L=9m tại Km1+193.
 - + Tháo dỡ cống tròn HH D80, L=4m. Làm mới cống hộp 100x100, L=9m tại Km1+251,5.
- Hệ thống thoát nước dọc:
 - + Xây dựng hệ thống mương đào hình tam giác (mái ta luy trong 1/1,5; mái ta luy ngoài 1/1; chiều sâu đáy mương so với vai đường hoàn thiện là: 0,6m).
 - + Làm mới mương bê tông 100x100 đoạn từ Km0+480 đến Km0+541. Dài 61m (bên trái tuyến).
 - + Làm mới mương bê tông 80x80 đoạn từ Km0+625 đến Km0+815. Dài 190m (bên trái tuyến).
 - + Xây mương đá hộc 60x60 đoạn từ Km0+431 đến Km0+541. Dài 110m (bên phải tuyến). Làm mới lấp đặt 20m tấm đan.

5. Hệ thống biển báo:

- Bố trí biển báo, vạch sơn đường tuân theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

(Các nội dung khác kèm theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật).

2. Thời hạn hoàn thành: 180 ngày kể từ ngày khởi công (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết và ngày ảnh hưởng thời tiết)

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

III.1. Yêu cầu chung:

Các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công công trình tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng các yêu cầu dưới đây:

- E-HSDT phải được xây dựng trên cơ sở tuân thủ yêu cầu và chỉ dẫn trong hồ sơ Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật (Các bản vẽ và phần thuyết minh); phù hợp với phạm vi công việc và các yêu cầu của gói thầu đã được nêu trong E-HSMT và các tài liệu liên quan đến gói thầu.

- Thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phải trình bày rõ được các nội dung sau:

+ Quy trình thực hiện các công việc xây dựng, các hạng mục công việc theo trình tự kỹ thuật theo tính chất từng loại công việc, từng hạng mục công trình;

+ Mô tả được cách thức triển khai để hoàn thành các công việc, các hạng mục đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

+ Trình bày được phương án kỹ thuật áp dụng cho từng loại công việc; từng các hạng mục công trình.

+ Trình bày được phương án huy động nguồn lực bao gồm: vốn lưu động; vật tư, vật liệu; huy động máy móc, thiết bị phục vụ thi công; huy động Cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông; phương án dự phòng về nguồn lực để bảo đảm luôn đáp ứng đủ nguồn lực để hoàn thành các công việc xây dựng đúng tiến độ, đạt chất lượng theo yêu cầu.

+ Phương án bố trí thời gian hợp lý, biện pháp bảo đảm thời gian thực hiện để hoàn thành các công việc xây dựng được thể hiện thông qua bảng tiến độ thi công, biểu đồ huy động nguồn lực và các biện pháp bảo đảm tiến độ công trình.

+ Đề xuất kỹ thuật phải thuyết minh mang tính chỉ dẫn kỹ thuật thi công (Mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc; phương án bố trí thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương V này. Phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất kỹ thuật đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc). Việc mô tả cụ thể, chi tiết để hướng dẫn thi công và làm cơ sở cho công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát của Chủ đầu tư, bảo đảm quá trình thi công đạt chất lượng, tiến độ theo yêu cầu.

- Tiến độ thi công và thuyết minh tiến độ thi công phải đảm ứng yêu cầu mục II chương V của E-HSMT.

- Thuyết minh quản lý chất lượng thi công của nhà thầu tuân thủ theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các Nghị định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được hợp nhất tại văn bản số 03/VBHN-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ Xây dựng.

- Thuyết minh công tác bảo đảm An toàn lao động (ATLĐ); Vệ sinh môi trường (VSMT); Phòng cháy, chữa cháy (PCCC); An toàn giao thông (ATGT), An ninh trật tự (ANTT) tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành quy định theo ngành, lĩnh vực.

III.2. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật cụ thể:

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công các hạng mục.

- Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công phải được lập căn cứ theo đặc điểm, tính chất của từng hạng mục công việc đảm bảo rõ ràng, chính xác và chi tiết theo từng hạng mục công việc. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công cho từng hạng mục công việc xây dựng của công trình, đáp ứng các quy định tại mục III.1 “Yêu cầu chung”.

- Căn cứ đặc điểm, tính chất, yêu cầu kỹ thuật quy mô của gói thầu, yêu cầu nêu được các giải pháp kỹ thuật thi công và biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình, các hạng mục công việc tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và đáp ứng các TCVN, QCVN áp dụng hiện hành.

- Thuyết minh giải pháp kỹ thuật thi công phải đảm bảo tính hợp lý giữa việc bố trí nhân sự kỹ thuật, nhân lực, máy móc, vật tư, thiết bị và tiến độ thi công của từng hạng mục.

- Căn cứ đặc điểm, tính chất, quy mô của gói thầu; căn cứ các giải pháp kỹ thuật đã trình bày. Yêu cầu nhà thầu đưa ra lựa chọn biện pháp tổ chức thi công phù hợp với nguồn lực bố trí cho dự thầu; phù hợp với điều kiện công nghệ có thể ứng dụng; phù hợp với quy trình, quy phạm, TCVN, QCVN áp dụng cho thi công và nghiệm thu và các quy định về quản lý chất lượng công trình để xây dựng.

- Giải pháp kỹ thuật thi công và biện pháp tổ chức thi công phải bảo đảm các nội dung sau:

+ Lựa chọn tiêu chuẩn Việt Nam áp dụng thi công và nghiệm thu (nếu có) đối với tất cả các hạng mục công việc; quy trình kỹ thuật, trình tự các bước thi công đáp ứng quy định kỹ thuật chuyên ngành, đáp ứng TCVN, QCVN áp dụng thi công và nghiệm thu công trình. Cụ thể: Trình tự các bước kỹ thuật thi công từng hạng mục công việc,

từng hạng mục công trình phù hợp với quy mô, tính chất kỹ thuật và đặc điểm của dự án; Quy trình kỹ thuật các bước để thực hiện các công việc; tổ chức phân bổ sử dụng nguồn lực Vật tư, thiết bị; nhân lực kỹ thuật chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông; máy móc thiết bị, công nghệ phục vụ thi công; kế hoạch tài chính.

+ Thuyết minh giải pháp kỹ thuật và Biện pháp tổ chức thi công phải đính kèm Bản vẽ thuyết minh giải pháp kỹ thuật, bố trí sử dụng máy móc thiết bị, an toàn trong thi công, bản vẽ minh họa kỹ thuật thi công ... của các hạng mục công việc chủ yếu (Bố trí mặt bằng công trường; ATLD- VSLĐ-VSMT; PCCC; biện pháp thi công đào – Đắp đất; san gạt, lu lèn đất, cấp phối đá dăm; phân công thoát nước, mương thoát nước)

+ Các yếu tố về nguồn lực của nhà thầu và mức độ đáp ứng gồm các nhóm nguồn lực sau: Vật tư, thiết bị, cấu kiện chế tạo; Nhân lực kỹ thuật có kinh nghiệm và chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật có tay nghề bậc thợ và lao động phổ thông; Máy móc thiết bị phục vụ thi công, thí nghiệm, kiểm tra, đo lường, vận hành thử nghiệm; Tài chính và các phương án dự phòng;

+ Giải pháp bảo đảm chất lượng bao gồm các công đoạn: Bảo đảm chất lượng đầu vào vật tư, thiết bị, cấu kiện đầu vào, nguồn nhân lực, máy móc thiết bị phục vụ thi công; bảo đảm chất lượng quá trình thi công các hạng mục, công tác bảo dưỡng trong quá trình thi công; Bảo đảm chất lượng trong công tác kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu, vận hành thử nghiệm và bàn giao.

+ Các phương án và giải pháp bảo đảm an toàn, bảo đảm tiến độ, chất lượng khâu cung cấp vật tư, thiết bị chủ yếu.

+ Các giải pháp bảo đảm tiến độ thi công đáp ứng yêu cầu và phù hợp nguồn lực.

2. Yêu cầu về tiến độ thi công.

2.1. Bảng tiến độ thi công và thời gian thi công:

- Yêu cầu nhà thầu lập kế hoạch tiến độ về thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành hợp đồng theo từng ngày, từng tháng và toàn bộ công trình.

- Nhà thầu cần phải lập tiến độ tổng thể, tiến độ chi tiết thực hiện từng hạng mục công việc, từng hạng mục công trình theo từng ngày, từng tháng và toàn bộ công trình bảo đảm tính hợp lý, phù hợp với giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công để đảm bảo hoàn thành từng hạng mục công trình và công trình đạt chất lượng và đúng thời gian yêu cầu nêu tại mục II, Chương V của E-HSMT.

2.2. Biểu đồ huy động nhân sự, máy móc thiết bị phục vụ thi công và các giải pháp bảo đảm tiến độ.

- E-HSMT phải thể hiện đầy đủ các biểu đồ tiến độ thi công; huy động nhân lực thi công; biểu đồ huy động, tập kết vật tư, cấu kiện và biểu đồ huy động máy móc, thiết bị thi công đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công và nguồn lực của nhà thầu, đáp ứng yêu cầu nêu trong Chương V của E-HSMT.

- Nhà thầu phải có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công, đảm bảo thiết bị trên công trường hoạt động liên tục.

3. Yêu cầu về các giải pháp, cách thức tổ chức, quản lý, vận hành dự án và vận

hành công trường.

3.1. Các giải pháp, cách thức, sơ đồ tổ chức quản lý tổng thể dự án:

- E-HSDT có sơ đồ tổ chức quản lý tổng thể dự án – thuyết minh sơ đồ mô tả công việc, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng vị trí trong sơ đồ. Trong đó mô tả rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng vị trí trong sơ đồ đảm bảo hoạt động thông suốt của công trình dự án và phù hợp với nguồn lực, quy trình, công nghệ và tiến độ thi công của dự án.

- Sơ đồ phải thuyết minh mô tả các chủ thể liên quan đến dự án, Mọi quan hệ, tính phối hợp giữa các chủ thể; nghĩa vụ, quyền hạn từng chủ thể... (Chủ đầu tư, Tư vấn quản lý dự án của Chủ đầu tư (nếu có); Tư vấn giám sát thi công; Tư vấn thiết kế; Ban điều hành dự án/ Ban chỉ huy công trường của nhà thầu thi công, đơn vị thí nghiệm, kiểm định độc lập (nếu có)).

3.2. Các giải pháp, cách thức tổ chức quản lý vận hành công trường:

- E-HSDT có sơ đồ tổ chức quản lý, vận hành các hạng mục công trình hoặc từng hạng mục công trình; Trong đó có thuyết minh mô tả các nội dung sau:

Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với quy mô, tính chất của công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: Chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án của nhà thầu; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.

Mối quan hệ các bộ phận, tính phối hợp, chức năng, nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm của các bộ phận.

- Mô tả rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên trong sơ đồ tổ chức bảo đảm tính phối hợp, hoạt động thông suốt của công trình dự án và phối hợp với nguồn lực, quy trình, công nghệ và tiến độ thi công của dự án.

4. Yêu cầu về các biện pháp bảo đảm chất lượng.

4.1. Mức độ đáp ứng yêu cầu về vật liệu, thiết bị đầu vào.

- Nhà thầu lập bảng kê vật tư, thiết bị, cấu kiện chế tạo chủ yếu sử dụng cho công trình đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Tất cả hàng hóa và vật tư đưa vào sử dụng trong công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thể hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác trong hợp đồng.

+ Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công công trình phải có nguồn gốc xuất xứ hợp pháp; nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động về số lượng, chất lượng, tiến độ cung cấp. Thuyết minh kèm theo các tài liệu làm minh chứng: Hợp đồng nguyên tắc cung cấp vật tư hoặc tài liệu khác tương đương để chứng minh

khả năng cung cấp.

+ Nhà thầu phải lập bảng kê từng loại cụ thể vật tư, vật liệu, thiết bị dự thầu dưới đây, phải ghi rõ: Quy cách, chất lượng; Tên/nhãn hiệu; nơi sản xuất/ xuất xứ; Tiêu chuẩn kỹ thuật (TCVN, QCVN) áp dụng đối với từng loại vật tư. Xác định và ghi rõ tên, nhãn hiệu, thông số kỹ thuật của vật liệu, thiết bị dự thầu, không dự thầu một loại vật liệu mà ghi nhiều tên, nhiều loại thương hiệu, nhãn hiệu. Không được ghi cụm từ “Hoặc tương đương” phía sau tên vật tư. HSDT không tuân thủ hoặc không ghi đầy đủ đáp ứng các yêu cầu trên thì HSDT đó được xem là không đạt về mặt kỹ thuật và sẽ bị loại.

- Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu nêu trên được xem là không đáp ứng yêu cầu về biện pháp bảo đảm chất lượng của vật liệu, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình và đánh giá là không đáp ứng theo yêu cầu tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

BẢNG CHỨNG LOẠI VẬT TƯ CHỦ YẾU SỬ DỤNG CHO GÓI THẦU

Stt	Tên vật tư	Quy cách, chất lượng	Nhãn hiệu, nơi sản xuất	Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
		<i>Nhà thầu nhập thông tin</i>	<i>Nhà thầu nhập thông tin</i>	<i>Nhà thầu nhập thông tin</i>
1	Cát xây dựng			
2	Đá xây dựng các loại (1x2; 4x6, đá hộc)			
3	Xi măng PCB 40			
4	Thép xây dựng (các loại đường kính)			
5	Thép hình			
6	Thép tấm			
7	Cấp phối đá dăm			
8	Hỗn hợp BTNN loại C12,5.			
Ghi chú:				
1. Thông số kỹ thuật của vật tư phải đáp ứng hồ sơ thiết kế				
2. Chỉ được dự thầu một nhãn hiệu vật tư cụ thể, không được dự thầu nhiều nhãn hiệu của cùng một loại vật tư và không được ghi cụm từ hoặc tương đương. Nếu vi phạm thì hồ sơ dự thầu được đánh giá không đáp ứng và bị loại				

4.2. Yêu cầu về các biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu, thiết bị cấu kiện đầu vào sử dụng thi công công trình.

- Thuyết minh mô tả quy trình, cách thức kiểm tra, kiểm soát chất lượng đầu vào vật liệu, thiết bị, cấu kiện chế tạo sẵn (nếu có) của từng nhóm loại vật liệu, cấu kiện chế tạo sẵn tuân thủ và đáp ứng yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các quy định hiện hành. Bao gồm: Công tác thí nghiệm vật liệu; công tác nghiệm thu vật liệu, cấu kiện; công tác tập kết xử lý kỹ thuật trước khi đưa vào công trình (đá dăm 4x6; đất sỏi đỏ); công tác xử lý, hiệu chỉnh trước khi đưa vào thi công; công tác gia công chế tạo

tại xưởng, công tác gia công mạ kẽm nhúng nóng (Nếu có); công tác kiểm tra và lưu trữ hồ sơ tiêu chuẩn chất lượng của từng loại vật tư, cấu kiện. Nêu rõ trách nhiệm của nhà thầu cung cấp vật liệu xây dựng (đã là hàng hóa trên thị trường) và trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện và thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng theo yêu cầu riêng của thiết kế.

4.3. Các biện pháp bảo đảm chất lượng thi công các hạng mục công tác thi công

- Thuyết minh phương án tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình, quản lý công trường xây dựng theo quy định chi tiết theo từng hạng mục công trình phù hợp với quy mô tính chất của gói thầu.

- Thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng phải tuyệt đối tuân thủ TCVN và QCVN áp dụng thi công và nghiệm thu công trình nhà thầu đã lựa chọn.

- Thuyết minh Quy trình đảm bảo chất lượng của từng công tác theo từng hạng mục công trình đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất lượng công trình theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng công trình xây dựng và văn bản pháp luật xây dựng hiện hành, cụ thể:

+ Lập và trình bày dự thảo đề cương “Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu các yếu tố đầu vào, vật tư, máy móc, thiết bị, nhân sự, phòng thí nghiệm (điều kiện khởi công), nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng” theo đúng trình tự, quy trình các bước kỹ thuật thi công;

+ Lập và trình bày bản dự thảo đề cương về Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.

4.4. Các phương án bố trí nhân sự đủ số lượng, năng lực, kinh nghiệm phụ trách thi công để đảm bảo chất lượng thi công công trình.

- Trình bày phương án, kế hoạch và tiến độ huy động, bố trí nhân sự: Cán bộ kỹ thuật thi công; giám sát kiểm soát chất lượng thi công; an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo đảm an ninh trật tự.... công nhân kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp, bậc thợ từ tối thiểu 3/7 trở lên phù hợp các lĩnh vực chuyên ngành.

- Kế hoạch nhân sự bảo đảm phù hợp với giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công và phù hợp với tiến độ thi công.

5. Yêu cầu về Bảo đảm vệ sinh môi trường; An toàn phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, An toàn giao thông, An ninh trật tự.

5.1. Các biện pháp bảo đảm về sinh môi trường:

Có biện pháp về ATLĐ đảm bảo yêu cầu, cụ thể:

- E-HSDT phải thuyết minh các biện pháp và trang bị bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường gồm: Quần áo, mũ, găng tay, giày, ủng giày đai an

toàn khi làm việc trên cao, khu vực nguy hiểm.

- Cán bộ công nhân trên công trường phải được tập huấn an toàn lao động và tuân thủ tuyệt đối các quy định về ATLĐ, VSLĐ theo Luật an toàn vệ sinh lao động bảo đảm an toàn và quyền lợi cho người lao động tham gia thi công công trình.

- Có cam kết mua bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định cho 100% công nhân lao động trên công trường.

- Nhà thầu phải bố trí biển báo giao thông, dây báo hiệu, trụ hình chớp cảnh báo và cán bộ an toàn lao động tại đầu và cuối từng phân đoạn thi công.

- Đối với máy móc thiết bị thi công trên công trường phải có biện pháp bảo đảm an toàn máy móc, thiết bị...

- Lập và trình bày bản dự thảo đề cương về Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021; trong đó thuyết minh các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao đã được xác định trong kế hoạch tổng hợp về an toàn.

Có biện pháp về VSMT đảm bảo yêu cầu, cụ thể:

- E-HSDT phải xây dựng biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trên công trường, kho bãi, lán trại và trong công tác chuyên chở vật liệu đặc biệt là công tác khai thác, vận chuyển vật liệu (Nếu có).

- E-HSDT phải xây dựng phương án tập kết, vận chuyển đến điểm tập kết hợp pháp đối với rác thải, phế thải xây dựng trong quá trình thi công.

- Đối với khu vực lán trại phải có thuyết minh hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt; hệ thống hầm tự hoại để xử lý các nước thải, chất thải sinh hoạt của công nhân thi công công trình.

- Đối với môi trường khu vực công trình thi công, phải có phương án hệ thống tưới nước hạn chế khói bụi của phương tiện vận chuyển trên công trường tại các khu vực thi công liền kề với khu vực học sinh học tập hoặc khu dân cư ... phải bảo đảm có phương án che chắn cách ly khói, bụi tiếng ồn.

- Đối với kho bãi chứa vật liệu: Những vật liệu là chất lỏng, chất khí có ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh phải có biện pháp bảo vệ bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

5.2. Các biện pháp bảo đảm về PCCC; ATLĐ-VSLĐ; ATGT; ANTT:

- Nhà thầu phải có biện pháp phòng chống cháy nổ đối với kho bãi chứa vật tư, máy móc, thiết bị thi công. Cử cán bộ thường trực bảo đảm công tác an toàn, phòng chống cháy nổ. Trong thuyết minh biện pháp an toàn PCCC phải bố trí các thiết bị chữa cháy tối thiểu bao gồm: Bộ tiêu lệnh PCCC (02 bộ), Số lượng thùng cát chữa cháy (05 thùng), 01 bể nước cứu hỏa tối thiểu 5m³, máy bơm cứu hỏa phải đồng thời có máy động cơ xăng và máy động cơ điện mỗi loại 01 cái; bình xịt khí CO₂ và bình chữa cháy dạng

bột (MZF) mỗi loại 05 bình ... có biển chỉ dẫn an toàn phòng cháy chữa cháy đặt ở những vị trí dễ nhìn thấy, dễ quan sát, có nội quy quy định về an toàn PCCC tại công trường...

- E-HSDT phải xây dựng phương án bảo đảm ATGT, ANTT trên công trường trong quá trình thi công cũng như các cung đường vận chuyển tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thuyết minh kế hoạch và giải pháp phối hợp với CĐT, cơ quan chức năng trong việc phân tuyến, phân làn, điều tiết giao thông bảo đảm an toàn cho người và phương tiện lưu thông trong quá trình triển khai thi công những công việc có liên quan đến ATGT.

6. Mức độ đáp ứng yêu cầu về bảo hành, bảo trì.

- Thời gian bảo hành gói thầu là không nhỏ hơn 12 tháng; các máy móc, thiết bị có thời gian bảo hành theo nhà sản xuất lớn hơn thời gian quy định (12 tháng) thì nhà thầu phải có cam kết ghi rõ thời gian bảo hành các loại thiết bị, linh kiện này theo thời gian bảo hành nhà sản xuất nhưng đảm bảo thời gian không nhỏ hơn thời gian bảo hành theo quy định của gói thầu.

- Theo E-HSDT phải nêu rõ quy trình thực hiện bảo hành từ khâu tiếp nhận thông tin về yêu cầu bảo hành; đánh giá xác nhận bảo hành; xử lý kỹ thuật bảo hành; kết thúc bảo hành; cam kết thời gian tối đa mỗi lần bảo hành không quá 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu bảo hành và cam kết thay thế máy móc, thiết bị khác tương đương để đảm bảo duy trì hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị trong thời gian bảo hành.

7. Yêu cầu về Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu.

7.1. Mức độ uy tín của nhà thầu thông qua thời gian thực hiện hợp đồng và kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

Có bảng cam kết (ký tên, đóng dấu) nội dung trong thời hạn 3 năm gần đây (2023, 2024, 2025) Nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu; không có hợp đồng nào vi phạm về chất lượng của công trình bị các cơ quan quản lý nhà nước xử phạt, vi phạm về việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình.

Nếu nhà thầu cam kết không trung thực mà tổ chuyên gia phát hiện (có đủ bằng chứng để chứng minh) là nhà thầu không cam kết trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt.

7.2. Nhà thầu không có hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

Có bảng cam kết (ký tên, đóng dấu) nội dung trong thời hạn 3 năm gần đây (2023, 2024, 2025) Nhà thầu không có hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

Nếu nhà thầu cam kết không trung thực mà tổ chuyên gia phát hiện (có đủ bằng

chứng để chứng minh) là nhà thầu không cam kết trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt.

8. Các yêu cầu khác:

- Thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phần đóng cọc cừ tràm gia cố móng cống phải đảm bảo rõ quy trình: Đóng cọc thí điểm; hiệu chỉnh và đóng đại trà; dự phòng phương án xử lý quá trình đóng cọc gặp sự cố kỹ thuật như đóng không đạt mật độ; đóng không đủ chiều sâu cọc do gặp đá...

- Đối với thi công lớp đất sỏi đỏ và lớp kết cấu đá 4x6 chèn đá dăm; thi công láng nhựa cần nêu rõ quy trình thi công thí điểm trước khi thi công đại trà.

- Đối với cấu kiện lan can chế tạo theo thiết kế cần nêu rõ phương án tổ chức gia công khâu mạ kẽm nhúng nóng và biện pháp kiểm soát chất lượng của công tác mạ kẽm nhúng nóng lan can sắt và Bu long neo.